

Số: 59 /QĐ-SXD

Ninh Bình, ngày 09 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai tình hình thực hiện
dự toán thu- chi ngân sách quý 4 năm 2022
12 tháng năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG NINH BÌNH

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 11/12/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển Kinh tế- xã hội và dự toán NSNN năm 2022;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi Quý 4 năm 2022 và 12 tháng năm 2022 của Sở Xây dựng như sau:

(Số liệu chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và được công bố công khai đến toàn thể cán bộ, công chức, và nhân viên cơ quan Sở, trên trang Thông tin điện tử Sở Xây dựng.

Điều 3. Văn phòng Sở, các phòng chuyên môn và toàn thể cán bộ công chức, và nhân viên cơ quan thi hành Quyết định này./. *th*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính
- Lãnh đạo Sở ;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu VT,KT. *th*

GIÁM ĐỐC



Cao Trường Sơn

Đơn vị: Sở Xây dựng
Chương: 419

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 04 tháng 01 Năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 12 THÁNG NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Sở Xây dựng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 12 tháng năm 2022 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 12 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 12 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	VĂN PHÒNG SỞ				
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	2.507.000.000	5.017.032.173	200,1%	
1	Lệ phí	32.000.000	106.340.000	332,3%	
*	Lệ phí cấp phép XD	2.000.000	750.000	37,5%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHDXD	30.000.000	105.590.000	352,0%	
2	Phí	2.200.000.000	4.357.667.173	198,1%	
*	Phí thẩm định đầu tư	2.200.000.000	4.357.667.173	198,1%	
3	Thu khác	275.000.000	553.025.000	201,1%	
*	Thẩm định nhiệm vụ QH	220.000.000	-493.025.000	-224,1%	
*	Thu khác	55.000.000	60.000.000	109,1%	
II	Số phí, lệ phí, thu khác nộp NSNN	307.000.000	602.106.717	196,1%	
1	Lệ phí	32.000.000	106.340.000	332,3%	
*	Lệ phí cấp phép XD	2.000.000	750.000	37,5%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHDXD	30.000.000	105.590.000	352,0%	
2	Phí	220.000.000	435.766.717	198,1%	
*	Phí thẩm định đầu tư	220.000.000	435.766.717	198,1%	
3	Thu khác	55.000.000	60.000.000	109,1%	
*	thẩm định đồ án QH	-	-		
*	Thu khác	55.000.000	60.000.000	109,1%	
III	Số phí, thu khác được để lại	2.200.000.000	3.428.875.456	155,9%	
1	Phí	1.980.000.000	3.921.900.456	198,1%	
*	Phí thẩm định đầu tư	1.980.000.000	3.921.900.456	198,1%	
2	Thu khác	220.000.000	- 493.025.000	-224,1%	
*	Thẩm định đồ án QH	220.000.000	-493.025.000	-224,1%	
	Thu khác	-			
IV	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.429.000.000	2.324.900.278	95,7%	
1	Chi sự nghiệp.....				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 12 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 12 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	2.429.000.000	2.324.900.278	95,7%	
*	nguồn CCTL các năm trước còn dư chuyển sang	229.000.000	-		
*	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.200.000.000	2.324.900.278	105,7%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	34.474.684.000	7.645.311.626		
I	Nguồn ngân sách trong nước	34.474.684.000	7.645.311.626	31%	
1	Chi quản lý hành chính	24.474.684.000	7.645.311.626	31%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.217.000.000	6.214.208.799	100%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	18.257.684.000	1.431.102.827	8%	
1.2.1	Mua sắm	39.000.000	38.700.000	99%	
1.2.2	Sửa chữa	27.000.000	27.000.000	100%	
1.2.3	Chi hoạt động đào tạo	-	-		
1.2.4	Nhiệm vụ đặc thù	2.238.000.000	161.480.000	7,2%	
*	Phòng chống lụt bão	20.000.000	19.960.000	99,8%	
*	Trang phục thanh tra	38.000.000	38.000.000	100,0%	
*	Kinh phí thực hiện CCHC	40.000.000	29.440.000	73,6%	
*	Kinh phí tiếp công dân, xử lý đơn thư	40.000.000	-	0,0%	
*	Duy trì hệ thống ISO 9001:2015	12.000.000	-	0,0%	
*	Duy trì trang Web	43.000.000	9.900.000	23,0%	
*	Tập chí số giá XD	120.000.000	-	0,0%	
*	XĐ đơn giá nhân công XD, lập bảng giá ca máy và thiết bị thi công XD trên địa bàn tỉnh	450.500.000	-	0,0%	
*	Lập bộ đơn giá XD CT trên địa bàn tỉnh	450.000.000	-	0,0%	
*	Sửa chữa mạng Lan	150.000.000	-	0,0%	
*	Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật	30.000.000	30.000.000	100,0%	
*	Kinh phí thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cấp 2	32.000.000	31.680.000	99,0%	
*	Duy trì phần mềm Quản lý Tsan	2.500.000	2.500.000	100,0%	
	Chương trình MTQG Nông thôn mới	50.000.000		0,0%	
	Lập đơn giá nhà cửa VKT	760.000.000		0,0%	
1.2.5	Nhiệm vụ tỉnh giao quy hoạch	15.953.684.000	1.203.922.827	7,5%	
*	Quy hoạch Kênh Gà Vân Trình	6.015.514.000	-	0,0%	
*	Quy hoạch phát triển VLXD	557.185.000	158.622.000	28,5%	
*	Điều chỉnh QH chung đô thị NB đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050	6.495.403.000	-	0,0%	
*	Quy hoạch chung đô thị gián Khẩu đến 2035, tầm nhìn đến năm 2050	598.000.000	-	0,0%	
*	Quy hoạch phát triển đô thị	1.012.582.000	253.110.150	25,0%	
*	Quy hoạch phát triển nhà ở	1.275.000.000	792.190.677	62,1%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 12 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 12 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2	Chi Đầu tư XDCB	10.000.000.000			
*	Chuẩn bị ĐT: XDTHC tập trung tỉnh	10.000.000.000			

Đơn vị: Sở Xây dựng
Chương: 419

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 04 tháng 01 Năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 04/2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Sở Xây dựng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 04/2022 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	2.507.000.000	2.104.951.000	84,0%	
1	Lệ phí	32.000.000	34.765.000	108,6%	
*	Lệ phí cấp phép XD	2.000.000	-	0,0%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHĐXD	30.000.000	34.765.000	115,9%	
2	Phí	2.200.000.000	2.010.186.000	91,4%	
*	Phí thẩm định đầu tư	2.200.000.000	2.010.186.000	91,4%	
3	Thu khác	275.000.000	60.000.000	21,8%	
*	Thẩm định nhiệm vụ QH	220.000.000	-	0,0%	
*	Thu khác	55.000.000	60.000.000	109,1%	
II	Số phí, lệ phí, thu khác nộp NSNN	307.000.000	295.783.600	96,3%	
1	Lệ phí	32.000.000	34.765.000	108,6%	
*	Lệ phí cấp phép XD	2.000.000	-	0,0%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHĐXD	30.000.000	34.765.000	115,9%	
2	Phí	220.000.000	201.018.600	91,4%	
*	Phí thẩm định đầu tư	220.000.000	201.018.600	91,4%	
3	Thu khác	55.000.000	60.000.000	109,1%	
*	Phí thẩm định đồ án QH	-	-		
*	Thu khác	55.000.000	60.000.000	109,1%	
III	Số phí, thu khác được để lại	2.200.000.000	1.809.167.400	82,2%	
1	Phí	1.980.000.000	1.809.167.400	91,4%	
*	Phí thẩm định đầu tư	1.980.000.000	1.809.167.400	91,4%	
2	Thu khác	220.000.000	-		
*	Thẩm định đồ án QH	220.000.000	-		
	Thu khác	-	-		
IV	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.429.000.000	1.526.997.000	62,9%	
1	Chi sự nghiệp.....				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	2.429.000.000	1.526.997.000	62,9%	
*	nguồn CCTL các năm trước còn dư chuyển sang	229.000.000	-		
*	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.200.000.000	1.526.997.000	69,4%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	34.506.684.000	2.725.408.443	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	34.506.684.000	2.725.408.443	11%	
1	Chi quản lý hành chính	24.506.684.000	2.725.408.443	11%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.217.000.000	1.651.610.616	27%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	18.289.684.000	1.073.797.827	6%	
1.2.1	Mua sắm	39.000.000	38.700.000	99%	
1.2.2	Sửa chữa	27.000.000	27.000.000	100%	
1.2.3	Chi hoạt động đào tạo	-	-		
1.2.4	Nhiệm vụ đặc thù	2.270.000.000	117.400.000	5,2%	
*	Phòng chống lụt bão	20.000.000	19.960.000	99,8%	
*	Trang phục thanh tra	38.000.000	38.000.000	100,0%	
*	Kinh phí thực hiện CCHC	40.000.000	29.440.000	73,6%	
*	Kinh phí tiếp công dân, xử lý đơn thư	40.000.000	-	0,0%	
*	Duy trì hệ thống ISO 9001:2015	12.000.000	-	0,0%	
*	Duy trì trang Web	43.000.000	-	0,0%	
*	Tập chỉ số giá XD	120.000.000	-	0,0%	
*	XĐ đơn giá nhân công XD, lập bảng giá ca máy và thiết bị thi công XD trên địa bàn tỉnh	450.500.000	-	0,0%	
*	Lập bộ đơn giá XD CT trên địa bàn tỉnh	450.000.000	-	0,0%	
*	Sửa chữa mạng Lan	150.000.000	-	0,0%	
*	Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật	30.000.000	30.000.000	100,0%	
*	Kinh phí thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cấp 2	32.000.000	-	0,0%	
*	Chương trình MTQG Nông thôn mới	50.000.000			
*	Lập đơn giá nhà cửa VKT	760.000.000			
*	Duy trì phần mềm Quản lý Tsan	2.500.000	-	0,0%	
*	Chương trình phát triển kinh tế xã hội	30.000.000			
*	Hỗ trợ đào tạo	2.000.000			
1.2.5	Nhiệm vụ tính giao quy hoạch	15.953.684.000	890.697.827	5,6%	
*	Quy hoạch Kênh Gà Vân Trình	6.015.514.000	-	0,0%	
*	Quy hoạch phát triển VLXD	557.185.000	158.622.000	28,5%	
*	Điều chỉnh QH chung đô thị NB đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050	6.495.403.000	-	0,0%	
*	Quy hoạch chung đô thị gián Khẩu đến 2035, tầm nhìn đến năm 2050	598.000.000	-	0,0%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
*	Quy hoạch phát triển đô thị	1.012.582.000	252.786.150	25,0%	
*	Quy hoạch phát triển nhà ở	1.275.000.000	479.289.677	37,6%	
2	Chi Đầu tư XD CB	10.000.000.000			
*	Chuẩn bị ĐT: XD TTHC tập trung tỉnh	10.000.000.000			